

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 995 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....51/6.....
	Ngày:.....25/6.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 44/TTr-BLĐTBXH ngày 07 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

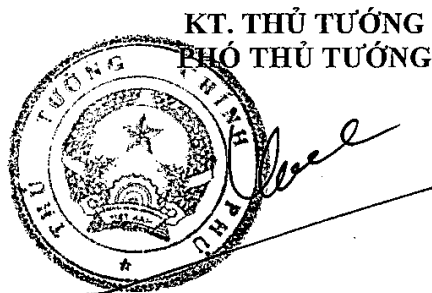
Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 128 liệt sĩ thuộc các Bộ: Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng và 22 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bạc Liêu, Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Long An, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Trị, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: PCN Phạm Việt Muôn,
Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (3 b).



Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG"

(Kèm theo Quyết định số 995 /QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Phong

Nguyên phó trạm trưởng Trạm Diên An, Ty Công an Hà Nội, Nguyên quán: Phường Hàng Quạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 07 năm 1948.

2. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lưu

Nguyên là cán bộ điệp báo, Ty Công an Hà Nội, Nguyên quán: khu phố Chợ Hòm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 09 năm 1949.

3. Liệt sĩ: Phan Văn Nhiêu

Trung úy phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Nai, Nguyên quán: xã Mùong Mô, huyện Mùong Tè, tỉnh Lai Châu, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 01 năm 1991.

4. Liệt sĩ: Tống Phước Ngộ

Trung úy công an huyện Phụng Hiệp, Nguyên quán: xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 2012.

5. Liệt sĩ: Nguyễn Huỳnh An Khang

Trung sĩ đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội và ma túy huyện Bến Cầu, Nguyên quán: xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 02 năm 2009.

6. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hùng

Thượng úy công an huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Thạch Tiến, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 12 năm 2011.

7. Liệt sĩ: Võ Linh Thuận

Thượng sĩ công an huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 12 năm 2011.

8. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quế

Chiến sĩ công an nhân dân thuộc công an tỉnh Quảng Ninh, Nguyên quán: Xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 10 năm 1953.

9. Liệt sĩ: Trần Đăng Vĩ

Thiếu úy phòng cảnh sát bảo vệ và cơ động công an tỉnh Bắc Ninh, Nguyên quán: xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 07 năm 2012.

10. Liệt sĩ: Nguyễn Quý Dương

Thượng sĩ phòng PC66 công an tỉnh Hòa Bình, Nguyên quán: phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 11 năm 2010.

11. Liệt sĩ: Trần Văn Bảy

Hạ sỹ Sở cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh, Nguyên quán: thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 09 năm 1979.

12. Liệt sĩ: Lê Thanh Tâm

Trung úy, học viên trường Trung cấp cảnh sát nhân dân II, Nguyên quán: thị trấn Kim Sơn, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 07 năm 2011.

13. Liệt sĩ: Đỗ Đăng Long

Trung sĩ phòng PC65, công an thành phố Hải Phòng, Nguyên quán: Kênh Giang, Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 01 năm 2012.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

14. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Tụng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 100%), Nguyên quán: xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 01 năm 2013.

BỘ QUỐC PHÒNG

15. Liệt sĩ: Bùi Văn Rủ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 07 năm 1975.

16. Liệt sĩ: Nguyễn Hoài

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 09 năm 1947.

17. Liệt sĩ: Đoàn Hiếu Nghĩa

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1964.

18. Liệt sĩ: Lê Hùng Cường

Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 2010.

19. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Duy

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 2011.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Hồng Chiến

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 2011.

21. Liệt sĩ: Lê Văn Chí

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 2011.

22. Liệt sĩ: Đặng Ngọc Thiện

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 2011.

23. Liệt sĩ: Bùi Phước Tâm

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 2011.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1977.

25. Liệt sĩ: Trần Quang Giới

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 10 năm 1949.

26. Liệt sĩ: Phạm Văn Nam

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 12 năm 1966.

27. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Gia

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 06 năm 1967.

28. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dũng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 07 năm 1967.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Thái

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 03 năm 1954.

30. Liệt sĩ: Trần Xuân Hai

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1970.

31. Liệt sĩ: Trần Thị Hương

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 08 năm 1968.

32. Liệt sĩ: Phạm Đình Mai

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên An, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1959.

33. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Huân

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 05 năm 2005.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Như Bảo

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Tựu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 01 năm 1977.

35. Liệt sĩ: Phạm Ngọc Khang

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1975.

36. Liệt sĩ: Phạm Văn Ngữ

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1946.

37. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thế

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 04 năm 1953.

38. Liệt sĩ: Cao Thị Liễu

Công nhân viên quốc phòng, Nguyên quán: xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 09 năm 1972.

39. Liệt sĩ: Lê Văn Cu

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

40. Liệt sĩ: Trịnh Viết Trường

Công nhân viên quốc phòng, Nguyên quán: xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 08 năm 2012.

41. Liệt sĩ: A Trây

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 08 năm 2012.

42. Liệt sĩ: A Lâm

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 06 năm 2012.

43. Liệt sĩ: Trần Anh Phương

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 01 năm 2012.

44. Liệt sĩ: Nguyễn Việt Dũng

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 2011.

45. Liệt sĩ: Nguyễn Trí Thuyền

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1989.

46. Liệt sĩ: Trần Huy Khai

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 04 năm 1954.

47. Liệt sĩ: Tô Minh Tòng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 03 năm 1953.

48. Liệt sĩ: Trần Bồi

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 08 năm 1951.

49. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Lộc

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1973.

TỈNH BẠC LIÊU

50. Liệt sĩ: Lâm Văn Liêm

Bảo vệ ngành cơ yếu khu vực Tây Nam Bộ, Nguyên quán: ấp Trung Hưng I, xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 05 năm 1966.

51. Liệt sĩ: Phạm Văn Sâm

Tổ trưởng trạm gác từ Vĩnh Hưng đến Cầu Sập, Nguyên quán: ấp Nam Hưng, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1946.

52. Liệt sĩ: Đoàn Phước Thọ

Xã đội trưởng xã Phong Thạnh Tây, Nguyên quán: An Thới I, xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1968.

TỈNH BẮC GIANG

53. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Khóa

Ủy viên Mặt trận Việt Minh, Đội trưởng Đội tự vệ Đồ thôn Cẩm Trang, Nguyên quán: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 01 tháng 02 năm 1945.

TỈNH BẾN TRE

54. Liệt sĩ: Đoàn Văn Trắc

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: ấp Hưng Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1950.

55. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Sét

Chi ủy viên xã Tân Xuân, Nguyên quán: ấp Tân Thanh, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 12 năm 1942.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lờ

Cán sự ấp, Nguyên quán: xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1960.

57. Liệt sĩ: Đỗ Khắc Cần

Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: Xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971.

58. Liệt sĩ: Bùi Văn Bính

Du kích xã Châu Bình, Nguyên quán: xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1955.

59. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hòa

Du kích xã Hương Mỹ, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1969.

TỈNH BÌNH ĐỊNH

60. Liệt sĩ: Nguyễn Nhân

Đội viên vũ trang xã Hoài Sơn, Nguyên quán: xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1968.

TỈNH BÌNH THUẬN

61. Liệt sĩ: Nguyễn Trung Trực (Nguyễn Xuân Mai)

Thường vụ huyện ủy, trưởng ban kinh tài huyện Hàm Thuận Nam, Nguyên quán: xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1969.

TỈNH CÀ MAU

62. Liệt sĩ: Lê Văn Sửu

Cán bộ khởi nghĩa Hòn Khoai, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1942.

63. Liệt sĩ: Mai Hoa

Cán bộ Ban nhân dân ấp Hồng Phước, Nguyên quán: xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 06 năm 1946.

64. Liệt sĩ: Trần Văn Nuôi

Ủy viên Ban giao bưu huyện Thới Bình, Nguyên quán: ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1973.

65. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Chiến

Tiểu đội trưởng du kích xã Khánh Bình Tây, Nguyên quán: thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967.

66. Liệt sĩ: Trần Văn Mặng

Du kích xã Phong Lạc (nay là xã Lợi An), Nguyên quán: xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968.

TỈNH CAO BẰNG

67. Liệt sĩ: Đàm Văn Giới

Cán bộ Việt Minh, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1944.

68. Liệt sĩ: Vũ Đức Quang (Đức Hạnh)

Cán bộ Việt Minh, Nguyên quán: phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 06 năm 1946.

69. Liệt sĩ: Hùng Quốc (Đình Văn Cổ)

Cán bộ Việt Minh, Nguyên quán: xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 05 năm 1946.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

70. Liệt sĩ: Trần Tấn

Tiểu đội trưởng dân quân du kích, Nguyên quán: xã Hòa Xuân, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1947.

71. Liệt sĩ: Ngô Văn Xước

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1954.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Nhi

Du kích xã Hòa Phong, Nguyên quán: xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 6 năm 1966.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

73. Liệt sĩ: Nguyễn Hiên Ngang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), Nguyên quán: xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 09 năm 2002.

74. Liệt sĩ: Lê Văn Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 07 năm 2012.

75. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thuyết

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 98%), Nguyên quán: huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 2004.

76. Liệt sĩ: Đỗ Hoạt

Du kích xã, Nguyên quán: xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 04 năm 1949.

77. Liệt sĩ: Đỗ Văn Phẩm

Du kích xã, Nguyên quán: xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 05 năm 1952.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Mệnh

Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1949.

79. Liệt sĩ: Đỗ Bá Ngân

Du kích xã, Nguyên quán: xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 03 năm 1949.

80. Liệt sĩ: Ngô Bá Ý

Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 5 năm 1951.

81. Liệt sĩ: Lê Văn Kéch

Binh nhất Đoàn 559, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1966.

82. Liệt sĩ: Hoàng Minh Võ

Hạ sỹ KN, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 08 năm 1968.

83. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Vân

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đông, huyện Tùng Thiện, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968.

84. Liệt sĩ: Nguyễn Trọng Trình

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 03 năm 2007.

85. Liệt sĩ: Chữ Văn Y

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 08 năm 2012.

86. Liệt sĩ: Đỗ Văn Đẻ

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy An, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1973.

87. Liệt sĩ: Bùi Văn Minh

Hạ sỹ 502KN, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 05 năm 1966.

88. Liệt sĩ: Trần Văn Vít

Binh nhất đại đội 44E335, Nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970.

89. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Vệ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1968.

90. Liệt sĩ: Lê Nguyên Bằng

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: số nhà 40, phố nhà Thương Khách, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 02 năm 1947.

TỈNH HÀ TĨNH

91. Liệt sĩ: Trần Thế Đại

Phó trưởng công an xã Đức Liên, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 12 năm 2011.

92. Liệt sĩ: Trần Thanh Tùng

Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm Hà Tĩnh, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 06 năm 2012.

TỈNH HẢI DƯƠNG

93. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), Nguyên quán: xã An Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 07 năm 2012.

94. Liệt sĩ: Nguyễn Phú Hiệp

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 11 năm 2011.

TỈNH HƯNG YÊN

95. Liệt sĩ: Nguyễn Chí Thuần

Thương binh $\frac{4}{4}$ (tỷ lệ 23%), Nguyên quán: xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 08 năm 1981.

96. Liệt sĩ: Lê Ngọc Thạch

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 05 năm 2008.

TỈNH LONG AN

97. Liệt sĩ: Lâm Văn Tư

Trưởng ban Tài chính xã Hưng Điền B, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 02 năm 1976.

TỈNH NGHỆ AN

98. Liệt sĩ: Lương Huy Mậu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 03 năm 2012.

99. Liệt sĩ: Lê Hữu Quang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 07 năm 2011.

100. Liệt sĩ: Phan Thanh Tuấn

Công dân, Nguyên quán: xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 09 năm 2009.

101. Liệt sĩ: Phạm Quang Cảnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 07 năm 2009.

TỈNH NINH BÌNH

102. Liệt sĩ: Đặng Văn Trung

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 6 năm 2011.

103. Liệt sĩ: Quách Văn Bất

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 2012.

104. Liệt sĩ: Phạm Văn Toàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 09 năm 2010.

TỈNH QUẢNG BÌNH

105. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghiêm

Ủy viên ban chấp hành Đảng uỷ xã, Nguyên quán: xã Thanh Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1968.

106. Liệt sĩ: Phan Xuân Lành

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Thanh Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

TỈNH QUẢNG NAM

107. Liệt sĩ: Hà Ngọc Hữu

Cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970.

108. Liệt sĩ: Lê Tấn Trước

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1959.

109. Liệt sĩ: Trần Đặng Tấn Phát

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 01 năm 1980.

110. Liệt sĩ: Trần Thị Đi

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968.

111. Liệt sĩ: Đồng Phước Trình

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966.

112. Liệt sĩ: Trần Quang Huy

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965.

113. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Lanh

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1954.

114. Liệt sĩ: Đoàn Văn Hiền

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1983.

115. Liệt sĩ: Phan Thanh Nghiêm

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 6 năm 1970.

116. Liệt sĩ: Dương Hiễn Hùng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970.

117. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Quỳnh

Trưởng ban Y tế xã, Nguyên quán: xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1969.

TỈNH QUẢNG TRỊ

118. Liệt sĩ: Lê Lựu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1948.

119. Liệt sĩ: Tạ Quang Thắng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 02 năm 2013.

TỈNH THANH HÓA

120. Liệt sĩ: Mai Thế Hiền

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 03 năm 2012.

121. Liệt sĩ: Phạm Văn Hoạch

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 12 năm 2008.

122. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Đức

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 96%), Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 01 năm 2011.

123. Liệt sĩ: Vũ Đình Khởi

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 02 năm 2008.

124. Liệt sĩ: Trịnh Viết Chương

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 2011.

125. Liệt sĩ: Trần Đăng Chấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 02 năm 2007.

126. Liệt sĩ: Ngô Viết Tăng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 2010.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

127. Liệt sĩ: Văn Thiên Tường

Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1968.

TỈNH TRÀ VINH

128. Liệt sĩ: Võ Hoàng Long

Trung đội trưởng dân quân, Trú quán: thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 2010./.